FireAnt

CTCP Nafoods Group (HSX: NAF)

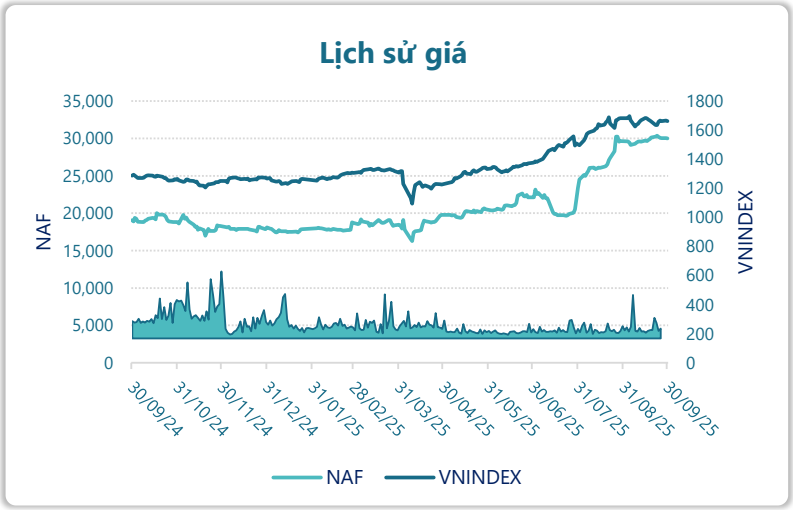

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**33,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,364
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,273
SL cổ phiếu LH	55,620,286
KLGD BQ 20 phiên (CP)	689,221
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,835
P/E	13.0
EPS	2,538

DT thuần

Q3/25

628

tỷ VNĐ

QoQ: ▼52.0| -7.7%

YoY: ▲ 270| 75.4%

LN sau thuế

Q3/25

43.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.9| -25.4%

YoY: ▲ 15.7| 55.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

11.5%

+/- YoY: ▼ 2.1%

DT thuần

9T 2025

1,658

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 548| 49.4%

LN sau thuế

9T 2025

115

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.9| 25.3%

ROE

Q3/25

14.4%

+/- YoY: ▲ 3.4%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

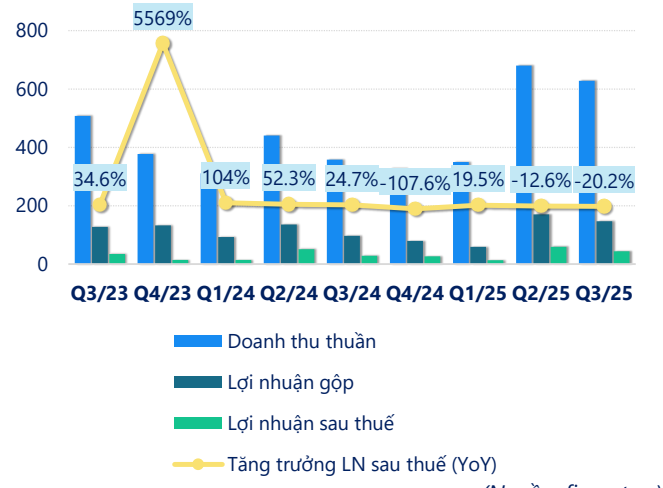

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

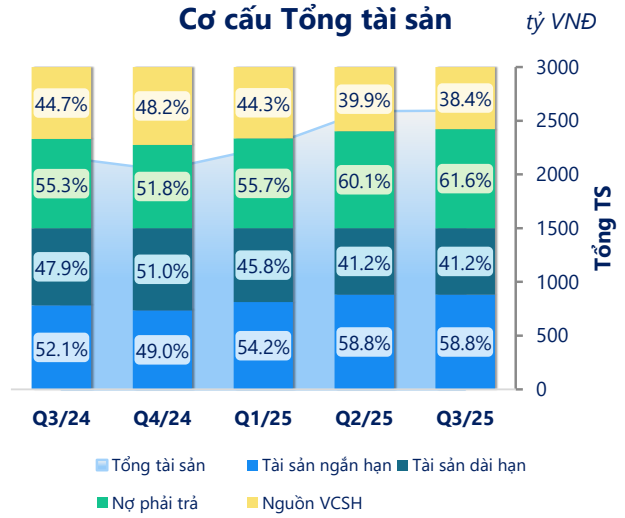

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

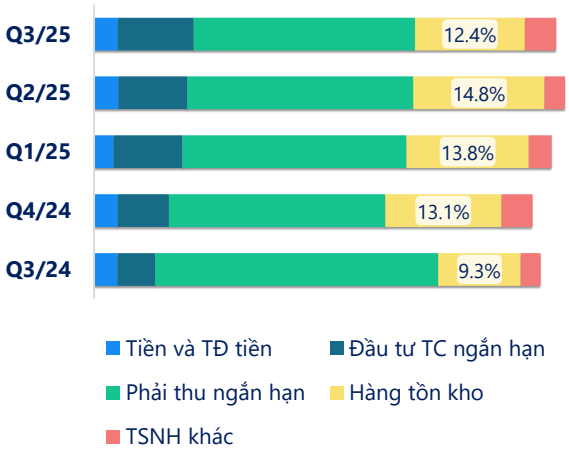

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

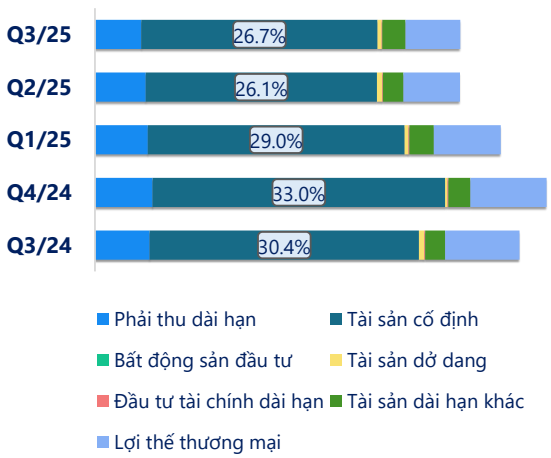

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

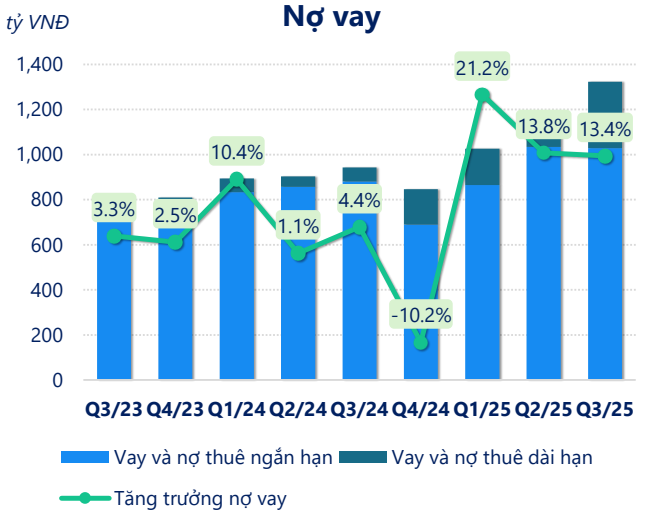

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

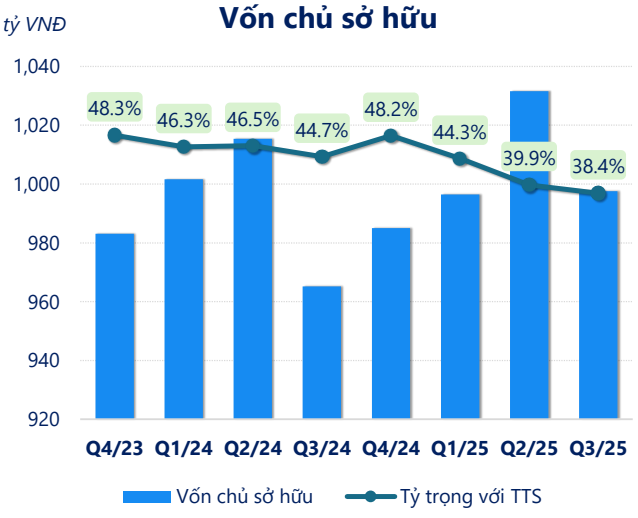

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

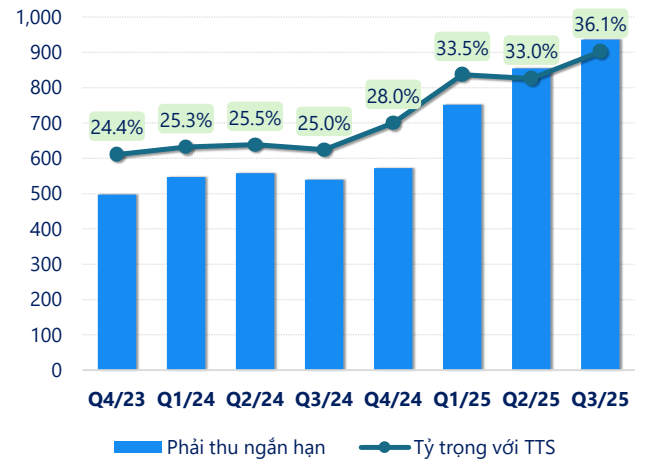

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

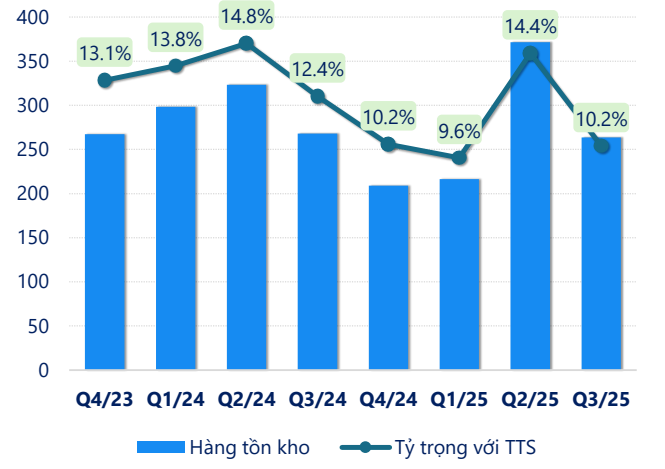

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

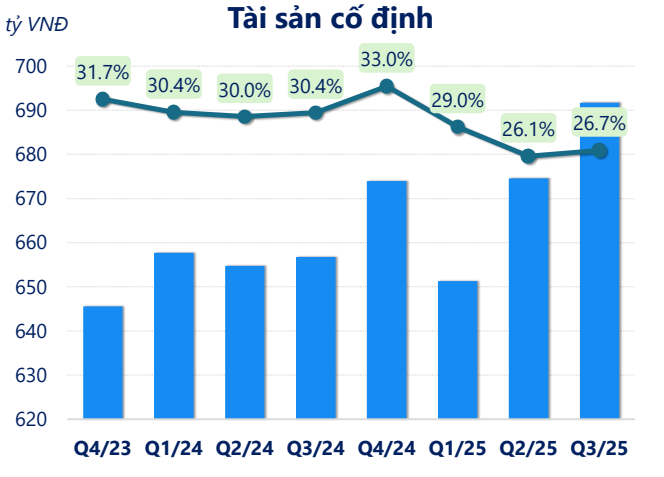

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

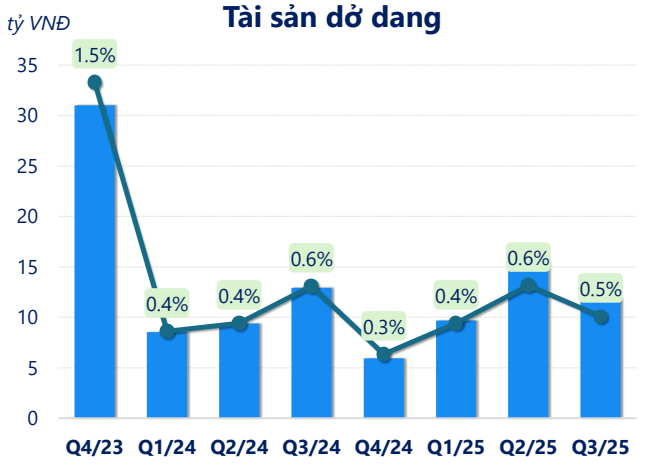

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

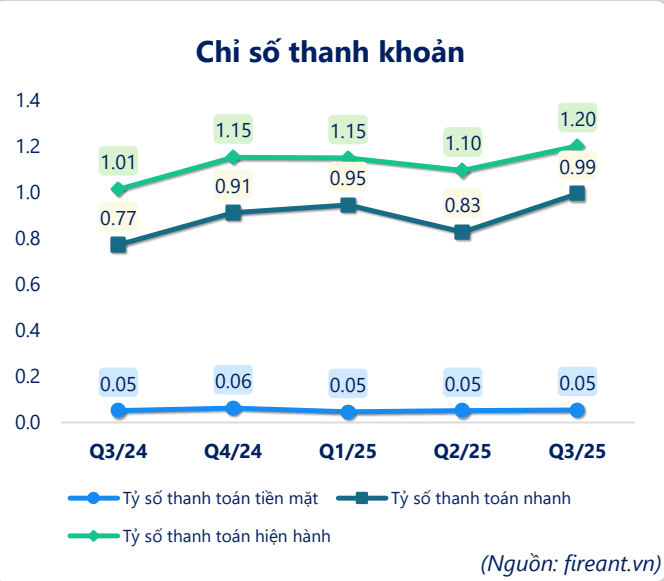

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

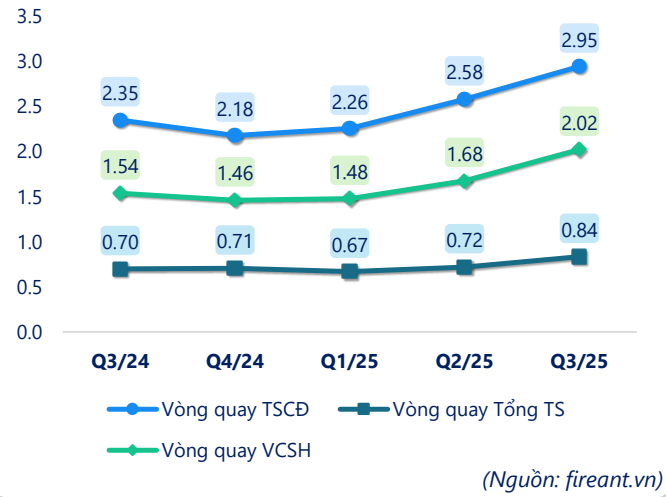

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,161**	**2,042**	**2,248**	**2,588**	**2,595**
Tài sản ngắn hạn	**1,126**	**1,002**	**1,218**	**1,522**	**1,525**
Tiền và tương đương tiền	57.0	54.4	49.2	71.0	69.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	185	95.8	125	135	142
Phải thu ngắn hạn	539	572	752	855	936
Hàng tồn kho	268	209	216	372	264
Tài sản ngắn hạn khác	76.2	69.9	76.0	89.6	113
Tài sản dài hạn	**1,035**	**1,041**	**1,030**	**1,066**	**1,070**
Phải thu dài hạn	133	133	134	148	136
Tài sản cố định	657	674	651	675	692
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	12.9	5.93	9.68	15.6	12.0
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Tài sản dài hạn khác	49.1	50.3	61.8	59.7	67.8
Lợi thế thương mại	181	176	171	165	160
Nợ phải trả	**1,196**	**1,057**	**1,251**	**1,556**	**1,597**
Nợ ngắn hạn	**1,111**	**869**	**1,059**	**1,388**	**1,269**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	881	689	865	1,034	1,029
Phải trả người bán ngắn hạn	68.1	56.3	77.0	216	93.9
Nợ dài hạn	85.0	188	192	168	329
Vay và nợ thuê dài hạn	61.6	157	161	133	295
Nguồn vốn chủ sở hữu	**965**	**985**	**996**	**1,032**	**998**
Vốn chủ sở hữu	**965**	**985**	**996**	**1,032**	**998**
Vốn điều lệ	653	653	653	653	627
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)